

Phụ lục
Tổng hợp kinh phí phân bổ cho các cơ quan, đơn vị; UBND các xã năm 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 17/3/2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: 1.000 đồng.

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng		2.945.773	
1	Kinh phí hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện Mai Sơn	UBND các xã	1.200.000	Phụ lục số I
2	Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ bổ sung (Đợt 1) năm 2025	Văn phòng Huyện uỷ	235.833	Phụ lục số II
3	Kinh phí công tác giải phóng mặt bằng dự án Khuân viên cây xanh tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót	Ban QLDA ĐTXD và TĐC huyện	200.000	Phụ lục III
4	Kinh phí xây dựng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mường Bon điển hình trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2025	UBND xã Mường Bon	109.940	
5	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quy hoạch	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; UBND xã Phiêng Cằm	1.200.000	Phụ lục IV

Phụ lục I

PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ XOÁ NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MAI SƠN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 17/3/2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Họ và tên (Chủ hộ)	Sinh năm		Bản, tiểu khu	UBND xã	Mức hỗ trợ	Đơn vị thực hiện chi trả	Ghi chú
		Nam	Nữ					
Tổng						1.200.000		
I. Xã Nà Ót						180.000		
1	Lường Văn Toàn	1994		Há Sét	Nà Ót	60.000	UBND xã Nà Ót	
2	Lò Văn Khánh	1997		Há Sét	Nà Ót	60.000	UBND xã Nà Ót	
3	Lò Văn Phong	1983		Nậm Lanh	Nà Ót	60.000	UBND xã Nà Ót	
II. Xã Chiềng Chăn						240.000		
1	Hờ A Lâu	1974		Yên Bình	Chiềng Chăn	60.000	UBND xã Chiềng Chăn	
2	Mùa Thị Say		1966	Nậm Luông	Chiềng Chăn	60.000	UBND xã Chiềng Chăn	
3	Vàng A Cá	1996		Nậm Luông	Chiềng Chăn	60.000	UBND xã Chiềng Chăn	
4	Vàng A Chu	1983		Nậm Luông	Chiềng Chăn	60.000	UBND xã Chiềng Chăn	
III. Xã Tà Hộc						540.000		
1	Giàng A Lâu B	1977		Pá Hốc	Tà Hộc	60.000	UBND xã Tà Hộc	
2	Giàng A Dế A	1999		Pá Hốc	Tà Hộc	60.000	UBND xã Tà Hộc	
3	Lù A Thì	1990		Pá Nó	Tà Hộc	60.000	UBND xã Tà Hộc	
4	Vàng A Lử A	1989		Pá Nó	Tà Hộc	60.000	UBND xã Tà Hộc	
5	Hàng A Câu	1998		Pá Nó	Tà Hộc	60.000	UBND xã Tà Hộc	
6	Cầm Văn Hồi	1985		Bản Pơn	Tà Hộc	60.000	UBND xã Tà Hộc	
7	Hà Văn Tiên	1982		Bản Pơn	Tà Hộc	60.000	UBND xã Tà Hộc	
8	Lò Văn Bóng	1986		Bản Pơn	Tà Hộc	60.000	UBND xã Tà Hộc	
9	Mùa A Cờ	1994		Pá Nó	Tà Hộc	60.000	UBND xã Tà Hộc	
IV. Xã Chiềng Nọi						240.000		
1	Cút Văn Thân	1994		Nà Phặng	Chiềng Nọi	60.000	UBND xã Chiềng Nọi	
2	Quảng Văn Tương	2000		Nà Phặng	Chiềng Nọi	60.000	UBND xã Chiềng Nọi	
3	Vì Thị Măng		1986	Bằng Ban	Chiềng Nọi	60.000	UBND xã Chiềng Nọi	
4	Sòng A Lệnh	1985		Co Hính	Chiềng Nọi	60.000	UBND xã Chiềng Nọi	

Phụ lục II

KINH PHÍ THỰC HIỆN TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ ĐỢT 1- NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 17/3/2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị tính: 1.000 Đồng

STT	STT theo Quyết định phê duyệt danh sách của cấp có thẩm quyền	Nội dung	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Kinh phí thực hiện tính giảm biên chế (đồng)	Đơn vị thực hiện chi trả	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
I		Quyết định số 1204/QĐ-TU ngày 05/02/2025 của Ban thường vụ Tỉnh ủy		235.833		
1	1	Nguyễn Đức Dậu	Lái xe	235.833	Văn phòng Huyện Ủy	

Phụ lục III

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐỂ HOÀN THÀNH DỰ ÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 17/3/2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế khối lượng hoàn thành	Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn đã giải ngân	Dự kiến tiếp tục giải ngân kế hoạch vốn còn	Nhu cầu vốn thiếu để hoàn thành dự án	Kế hoạch vốn để nghị phân bổ kỳ này	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó: Kế hoạch giao trong năm 2025					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ						6.000.000	2.210.662	2.890.002	679.340	2.210.662	679.340	3.109.998	200.000	
1	Dự án Khuân viên cây xanh tiểu khu 4 thị trấn Hát Lót	Ban QLDA ĐTXD & TĐC	Thị trấn Hát Lót	Diện tích 1.526m2 (bồn hoa+ kê chăn đất+ nhà vệ sinh, lan can, mở rộng nút giao)	2023-2024	828-6/5/2023	6.000.000	2.210.662	2.890.002	679.340	2.210.662	679.340	3.109.998	200.000	Phản kinh phí để thực hiện giải phóng mặt bằng

Phụ lục IV

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 17/3/2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

ĐVT: 1.000 đồng

ST T	Tên quy hoạch	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự toán	Tổng dự toán duyet	Giá trị các gói thầu theo hợp đồng	Kế hoạch vốn đã phân bổ	Nhu cầu vốn còn thiếu (theo HĐ)	Kế hoạch vốn phân bổ đợt này	Ghi chú
1	Quy hoạch chi tiết khu dân cư bản Nhạp, Cò Nòi	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	2173 ngày 17/8/2023	611.340	444.357	330.000	114.357	114.357	<i>Trước đây là phòng Kinh tế và Hạ tầng</i>
2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu đô thị phía Tây, Hát Lót	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1136 ngày 26/6/2023	519.895	474.809	200.000	274.809	274.809	
3	Quy hoạch chi tiết khu dân cư bản Nhạp - Tiểu khu 19/5, Cò Nòi	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1272 ngày 05/7/2023	485.977	477.158	139.499	337.659	337.659	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn	UBND xã Phiêng Cầm	1031 ngày 13/6/2023	1.533.466	1.033.426	75.175	958.251	473.175	
	Cộng			3.150.678	2.429.750	744.674	1.685.076	1.200.000	